

Bản án số: 143/2017/DS-ST
Ngày: 11-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Từ Xuân Tiếng

Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Yến Linh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô L, sinh năm: 1972, cư trú tại: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn T, sinh năm: 1966;

2. Bà Lê H, sinh năm: 1961;

Cùng cư trú tại: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/8/2017, bản tự khai, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Ngô L trình bày:

Bà với vợ chồng bị đơn là ông Nguyễn T và bà Lê H có mối quan hệ thân quen lâu năm. Vào tháng 02/2011 âm lịch, vợ chồng ông T và bà H nói với bà là ông bà thiếu tiền để trả nợ vay ngân hàng và để chăn nuôi heo cho nên muốn vay tiền của bà. Do không có nhiều tiền nhưng vì muốn giúp đỡ vợ chồng ông T, bà H nên bà vay của người khác và cho bà H, ông T vay lại. Ông T, bà H hứa sẽ đưa tiền cho bà để bà đóng lãi. Vì vậy, trong tháng 02/2011, bà có cho ông T, bà H vay số tiền là 57.800.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng bà đi vay của người khác cho vay lại và 7.800.000 đồng tiền của bà). Khi vay, ông T và bà H có làm giấy nhận nợ ghi vợ chồng ông có vay tiền của bà, số tiền vay và ông T ký tên vào giấy nhận nợ.

Sau khi vay, ông T và bà H có đóng lãi được 02 tháng đến tháng 04/2011 rồi không đóng tiếp nữa. Bà đã nhiều lần đến đòi tiền thì ông T và bà H hẹn hết lần này

đến lần khác và hứa sẽ nhanh chóng trả lại tiền cho bà. Nhưng một thời gian khá lâu thì ông T và bà H cũng không chịu trả tiền như đã hứa và cố tình tránh mặt bà.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T và bà Lê H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 57.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,75%/tháng từ tháng 4 năm 2011 (âm lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng số tiền lãi tạm tính đến khi khởi kiện là ngày 15/8/2017 là 75 tháng x 0,75%/tháng x 57.800.000 đồng = 32.512.500 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà bà yêu cầu ông T, bà H phải trả là 90.312.500 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T và bà H đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 24 tháng 11 năm 2017, ông T và bà H cũng vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại, ông T và bà H vắng mặt, nguyên đơn có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Theo bà L thì về thời gian cho vay bà chỉ nhớ là sau Tết, vào đầu tháng 02 âm lịch của năm Tân Mão (2011) nhưng không nhớ ngày cụ thể. Theo bà L thì việc giấy nhận nợ không ghi ngày tháng năm là do giấy nhận nợ ông T ghi và hai bên cũng vì thân quen nhau nên bà không để ý. Trước khi khởi kiện thì bà cũng hay nhắc vợ chồng bà H, ông T thanh toán nợ vay và tiền lãi cho bà vì đã hơn 06 năm; bà H, ông T lấy lý do hiện tại kinh tế khó khăn và hứa sẽ thanh toán cho bà đầy đủ tiền lãi từ năm 2011 khi ông, bà bán đất và nhà ở Tân Thanh. Tuy nhiên, do nợ quá lâu nên bà khởi kiện yêu cầu trả nợ vay. Sau khi bà khởi kiện thì bà nghe thông tin là bà H, ông T sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, bà có thông báo nhưng ông T, bà H đều né tránh.

Bà L cũng trình bày là bà nhận được 02 tháng tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng theo lãi suất 3%/tháng với số tiền là 3.000.000 đồng, còn 7.800.000 đồng khi đó do thân quen nên dù có thỏa thuận bên ngoài lãi 3% nhưng bà không nhận lãi. Tuy nhiên, nay bà yêu cầu Tòa án xem xét lại tiền lãi và tính lại tiền lãi theo lãi suất 0,75%/tháng kể từ thời điểm cho vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bà đồng ý là do không nhớ ngày cụ thể nên xác định ngày vay là ngày 29 của tháng 02 (âm lịch) năm 2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn T và bà Lê H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà H.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện và nộp kèm theo “Tờ mượn tiền” có nội dung: “*Tôi tên: Chồng Nguyễn T, vợ Lê H, ấp Tân Lợi. Vợ chồng có mượn cô Ngô L ấp N, xã B, với số tiền là 57.800.000 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm chẵn)*”. Phía dưới hàng “Người mượn” có ký tên và đề tên “Nguyễn T”.

Căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005 việc mượn tiền trên là hợp đồng vay tài sản. Đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn, có lãi. Khi có yêu cầu trả lại tiền, bà L thông báo và đòi nợ nhưng ông T, bà H không trả nợ nên bà L khởi kiện đến Tòa án. Theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để buộc ông T phải trả số tiền nợ vốn 57.800.000 đồng. Đối với bà H là vợ của ông T, tuy không ký tên vào hợp đồng nhưng việc vay tiền nhằm để trả nợ vay, phát triển kinh tế gia đình nên bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án về việc bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vốn vay là 57.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 04/2011 âm lịch cho đến ngày xét xử với tổng số tiền là 90.312.500 đồng nhưng ông T, bà H bỏ mặc không tham gia hòa giải, xét xử và cũng không có một ý kiến, cũng không phản đối với yêu cầu khởi kiện của bà L nên ông T, bà H phải chịu hậu quả do việc không chứng minh.

Về tiền lãi, do nguyên đơn xác định thời gian vay là tháng 02 (âm lịch) của năm 2011 nhưng không xác định được ngày cụ thể và yêu cầu xác định lại và lấy ngày cuối cùng của tháng 02 âm lịch năm 2011 nên ngày được xác định là ngày 29/02/2011 âm lịch, tức là ngày 02/4/2011. Do bà L trình bày là bà có nhận được 3.000.000 đồng tiền lãi theo lãi suất 3%/tháng và yêu cầu tính lại tiền lãi từ thời điểm vay theo lãi suất 0,75% nên Hội đồng xét xử xem xét và tính lại tiền lãi như sau:

- Thời gian ông T, bà H phải trả lãi kể từ ngày 02/4/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/12/2017, được tính là: 76 tháng 10 ngày.

- Số tiền lãi phải trả theo lãi suất 0,75% kể từ ngày 02/4/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm được tính là: 76 tháng 10 ngày x 57.800.000 đồng x 0,75%/tháng = 33.090.500 đồng.

- Số tiền lãi còn lại phải trả sau khi trừ số tiền lãi bà L đã nhận được tính là: 33.090.500 đồng – 3.000.000 đồng = 30.090.500 đồng

Tổng cộng, số tiền nợ gốc và lãi ông T, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L là: 57.800.000 đồng + 30.090.500 đồng = 87.890.500 đồng.

[3]. Về án phí:

Ông T, bà H phải chịu án phí là 5% của số tiền 87.890.500 đồng, được tính là 4.394.525 đồng.

Bà L không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.257.812 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 305, 471, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô L đối với ông Nguyễn T, bà Lê H về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay.

Buộc ông Nguyễn T, bà Lê H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô L số tiền là 87.890.500 đồng (*Tám mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng*), trong đó gồm: nợ gốc là 57.800.000 đồng, nợ lãi là 30.090.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Ngô L, nếu ông Nguyễn T, bà Lê H chưa thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả là 10%/năm trên số tiền chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn T, bà Lê H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.394.525 đồng (*Bốn triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng*); ông T, bà H còn phải nộp đủ số tiền này.

Bà Ngô L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.257.812 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm mười hai đồng*) theo biên lai thu số 0011926 ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng